

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1498/2023/DS-ST.

Ngày: 18/5/2023.

Về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Quốc Hưng;

Ông Nguyễn Cửu Long.

T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – T ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 1169/2022/TLST-DS ngày 02/12/2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1866/2023/QĐXXST-DS ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2114/2023/QĐST-DS ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **NTQD**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A15 Tầng 8, chung cư PLT, số 35 LVC, phường LT, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

Có người đại diện theo ủy quyền: Ông **LMT**, sinh năm 1995. Địa chỉ: B Đường M, khu phố 2, phường LC, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **DMT**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: M Đường số M, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 17/11/2022, Bản tự khai, nguyên đơn bà NTQD, người đại diện theo ủy quyền ông LMT trình bày: Bà NTQD và bà ĐMT có giao dịch mua bán hàng trong thời gian dài từ khoảng năm 2017 qua Facebook hoặc trực tiếp cửa hàng của bà T. Từ tháng 01/2022, bà D đặt mua các mặt hàng điện tử như điện thoại Iphone, Ipad, Macbook, đồng hồ Apple Watch của bà ĐMT qua tài khoản mạng xã hội facebook có tên tài khoản là “T Đỗ” và “Minh T”. Cách thức mua bán: bà D đặt hàng, chuyển khoản thanh toán trước 100%, khi có hàng bà T sẽ gửi hàng theo địa chỉ của bà D cung cấp. Theo đó, những lần bà D chuyển tiền thanh toán trước cho bà T, bằng hình thức Internet banking, vào tài khoản ĐMT, Ngân hàng Tong mại cổ phần Kỹ Tong Việt Nam (Techcombank), số tài khoản 19036922599012, như sau:

- Ngày 24/01/2022 chuyển 16.500.000 đồng;
- Ngày 26/01/2022 chuyển 2.400.000 đồng;
- Ngày 28/01/2022 chuyển 81.000.000 đồng;
- Ngày 07/02/2022 chuyển 17.800.000 đồng. Tổng cộng bà D đã chuyển cho bà T số tiền 117.700.000 đồng để mua các mặt hàng điện tử.

Hơn nửa năm kể từ ngày bà D chuyển tiền lần cuối cho bà T, bà T vẫn không giao hàng, mặc dù bà D nhiều lần liên hệ bà T qua tin nhắn, yêu cầu giao hàng hoặc trả lại tiền, nhưng bà T hứa hẹn, sau đó đưa ra nhiều lý do để từ chối. Do đó, bà D khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà ĐMT trả lại cho bà D số tiền 117.700.000 đồng.

- Bị đơn bà ĐMT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà T không đến nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý sơ thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại số tiền đã nhận để mua hàng, không còn tranh chấp về hợp đồng nên Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là chưa chính xác.

+ Về nội dung: Xét thấy, mặc dù giữa bà D và bà T không lập hợp đồng cụ thể về việc mua bán nhưng qua nội dung trao đổi trên facebook, có cơ sở xác định bà D và bà T đã xác lập hợp đồng về việc mua bán các mặt hàng điện tử. Do không

giao hàng được nên các bên thỏa thuận hủy hợp đồng, bà T đồng ý hoàn tiền lại cho bà D qua số tài khoản. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận hoàn tiền mà bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình là đã vi phạm Điều 274, 275, 280 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D về việc buộc bà T có nghĩa vụ trả lại số tiền 117.700.000 đồng đã nhận là có căn cứ nên chấp nhận. Án phí xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, nguyên đơn - bà NTQD khởi kiện yêu cầu bị đơn - bà ĐMT liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã nhận, không tranh chấp về việc mua bán, do đó căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư ngụ tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà ĐMT đã được Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú tại Công an phường B, thành phố Thủ Đức xác định “bà T có đăng ký Tổng trú tại địa chỉ số M Đường số M, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, hiện ở đâu không rõ” nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 173 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để triệu tập bà T đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Qua việc đặt mua hàng do hai bên thỏa thuận qua tài khoản mạng xã hội Facebook, từ ngày 24/01/2022 đến ngày 07/02/2022 nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn (qua số tài khoản 19036922599012 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, chủ tài khoản là bà ĐMT) số tiền mua hàng tổng cộng là 117.700.000 đồng. Qua nhiều lần vì nhiều lý do khác nhau bị đơn không giao hàng cho nguyên đơn như thỏa thuận nên đến

ngày 05/9/2022 nguyên đơn có yêu cầu được hoàn lại số tiền đã chuyển là 117.700.000 đồng và được bị đơn đồng ý sẽ hoàn lại bắt đầu từ ngày 10/10/2022, hạn trong vòng 02 tuần sẽ hoàn hết số tiền cho nguyên đơn. Tuy nhiên, quá thời hạn thỏa thuận mà bị đơn vẫn không thực hiện hoàn tiền cho nguyên đơn mặc nguyên đơn đã liên tục nhắn tin yêu cầu.

- Tại trang 15, 16 của Vi bằng số 867/2023/VB-TPLBC do Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh lập ngày 04-08/5/2023 thể hiện bị đơn bà T có hẹn trả lại số tiền nêu trên cho bà D trong thời hạn 02 tuần (từ ngày 10/10/2022) nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã chuyển trả tiền cho nguyên đơn và bị đơn cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai dù đã được Tòa án thông báo đến Tòa án hợp lệ nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn chưa hoàn trả tiền hàng cho nguyên đơn.

Như vậy, mặc dù các bên không lập hợp đồng cụ thể về việc mua bán nhưng qua nội dung trao đổi trên facebook, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng về việc mua bán các mặt hàng điện tử. Do không giao hàng được nên các bên thỏa thuận hủy hợp đồng, bị đơn đồng ý hoàn tiền lại cho nguyên đơn qua số tài khoản. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận hoàn tiền mà bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình là đã vi phạm Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền 117.700.000 đồng đã nhận là có căn cứ.

Từ những phân tích trên của Hội đồng xét xử và xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Buộc bà ĐMT phải trả cho bà NTQD số tiền 117.700.000 (một trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 117.700.000 đồng, tương đương án phí sơ thẩm là 5.885.000 (năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 173; Điều 180; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà NTQD.

Buộc bị đơn - bà ĐMT phải trả lại cho bà NTQD số tiền 117.700.000 (một trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà ĐMT phải chịu án phí sơ thẩm là 5.885.000 (năm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng. Bà T chưa nộp án phí.

- Hoàn trả lại cho bà NTQD số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.942.500 (hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007128 ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết Bản án, đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Huệ), 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Đồi